

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30-03-2018

*“V/v tranh chấp ly hôn
và nợ chung”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Sơn Thị Sô Tha.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Bà Thạch Kim Hạnh.
 2. Ông Võ Văn Đây.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Kim Riêng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú:* Ông Kim Sum – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 440/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017, về việc “Tranh chấp ly hôn và nợ chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Th, sinh năm 1971; cư trú tại ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).
 - *Bị đơn:* Anh Hứa Minh T, sinh năm 1972; cư trú tại ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).
 - *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện C - Phòng giao dịch xã T; cư trú tại ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
- Người đại diện theo pháp luật ông Ngô Trung H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện C (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2017 nguyên đơn chị Lê Thị Th trình bày: Chị Th và anh T quen biết nhau vào cuối năm 1992, sau một thời gian tìm hiểu nhau khoảng 04 tháng thì đồng ý tiến tới hôn nhân và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào đầu năm 1993, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C và được Ủy ban nhân dân xã A cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 25/1993, quyển số: 01/1993 ngày 04/12/1993.

Sau khi kết hôn chúng tôi về sống chung nhà cha mẹ ruột ở tại ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh được khoảng 05 tháng thì cất nhà ra riêng trên đất của ông, bà ngoại chồng cho tại ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu vợ chồng sống chung với nhau rất hạnh phúc, cùng nhau làm ăn, chăm sóc cho cuộc sống gia đình nhưng chỉ được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ con mà chỉ lo ra ngoài chơi bời, ăn nhậu, cờ bạc bỏ mặc mẹ con chị ở nhà và có hành vi chửi bới đánh đập chị. Đến tháng 4 năm 2013 chị bỏ về sống bên nhà cha mẹ ruột ở nên vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó đến nay. Nay chị Lê Thị Th yêu cầu xin được ly hôn với anh Hứa Minh T.

Về con chung: Có 01 người con tên Hứa Anh G, sinh ngày 01/01/1993 nay đã trưởng thành nên chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện C - Phòng giao dịch xã T số tiền 140.000.000đ, tại phiên tòa hôm nay chị Th lãnh trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng khi Ngân hàng có yêu cầu, không yêu cầu anh T cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn anh Hứa Minh T: Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập ghi lời khai và tham gia phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt, do đó Tòa án không tiến hành ghi lời khai của bị đơn và không tiến hành hòa giải cho các đương sự được. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai liên tiếp không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 07/3/2018 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện C, Phòng giao dịch T cho rằng: Ngày 08/11/2012, chị Lê Thị Th có vay số tiền 140.000.000 đồng để kinh doanh bia, nước ngọt và chị Th là người thực hiện cam kết trả nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng không yêu cầu giải quyết cùng vụ án này. Nếu chị Th không thực hiện nghĩa vụ như cam kết Ngân hàng sẽ khởi kiện chị Th một vụ kiện dân sự khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan trong quá trình thụ lý và chuẩn

bị xét xử. Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo qui định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành, vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Sự vắng mặt của bị đơn chứng tỏ bị đơn đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Hứa Minh T là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện C, Phòng giao dịch T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do là không đúng theo quy định tại điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đến ngày 07/3/2018 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện C - Phòng giao dịch T không yêu cầu trong vụ án này nên không xem xét.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Hứa Minh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú.

[2] Bị đơn anh Hứa Minh T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện C - Phòng giao dịch xã T yêu cầu xét xử vắng mặt người liên quan theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt Ngân hàng.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Th và anh Hứa Minh T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1993 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 25/1993, quyển số 01/1993 ngày 04/12/1993 nên theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Th, Hội đồng xét xử nhận định: Theo quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình thì quan hệ vợ chồng phải dựa trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ; vợ chồng có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, chăm sóc,

giúp đỡ nhau để cùng nhau xây dựng mái ấm gia đình hạnh phúc, bền vững. Chị Th xác định, trong đời sống hôn nhân anh T thiếu sự quan tâm, chia sẻ cuộc sống gia đình; anh T không lo làm ăn mà còn thường xuyên chửi bới, đánh đập chị và cờ bạc, rượu chè dù chị Th đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T không thay đổi. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại thời điểm xét xử, anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án, tiếp cận chứng cứ và hòa giải, đồng thời yêu cầu anh T có ý kiến trình bày bằng văn bản về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Th nhưng anh T đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Từ đó, cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn quan hệ với chị Th, tại phiên tòa chị Th xác định cuộc sống hôn nhân của chị Th và anh T là không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Th không còn tình cảm yêu thương anh T nữa và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh T. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th được ly hôn với anh T.

[5] Về con chung: Có 01 người con chung tên Hứa Anh G, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1993, do con đã trưởng thành chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị Th xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Nợ Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện C - Phòng giao dịch xã T số tiền 140.000.000 đ (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*). Tại đơn khởi kiện ngày 26/10/2017 chị Th yêu cầu chia đôi số nợ trên chị và anh T mỗi người phải trả 70.000.000đ vốn gốc kèm tiền lãi nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Th tự nguyện rút toàn bộ nội dung yêu cầu không yêu cầu anh T cùng trả mà do chị Th lãnh trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Xét thấy việc yêu cầu này của chị Th là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định của pháp luật và Ngân hàng cũng không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án này nên đình chỉ xét xử về phần nợ chung.

[8] Về án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 244; điểm b, d khoản 2 Điều 227 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Th đối với anh Hứa Minh T.

2. Về con chung: Có 01 người con chung tên Hứa Anh G, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1993, nay đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Đình chỉ xét xử về phần nợ chung.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nên được cân trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Th đã nộp theo biên lai thu số 0012803 ngày 16 tháng 11 năm 2017 nên chị Th không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trà Cú
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- Các đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Sơn Thị Sô Tha